Bài 34

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858 – 1884)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Cần nắm được :

– Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp. Trong giai đoạn đầu, đứng về tương quan lực lượng, thực dân Pháp chưa phải đã ở vào thế áp đảo ; vì vậy chúng không thể thực hiện được kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh". Chúng đã bị thất bại ở Đà Nẵng và sa lầy ở Gia Định.

– Sự thất bại của nhà nước phong kiến Nguyễn là do thiếu quyết tâm đánh giặc, tâm lí khiếp sợ trước sức mạnh của Pháp và có những tính toán thiệt hơn, nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi của giai cấp và dòng họ.

– Cuộc kháng chiến với tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực của nhân dân ta đã làm thất bại âm mưu ban đầu của địch.

2. Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng :

– Miêu tả, tường thuật sự kiện lịch sử.

– Kĩ năng sử dụng lược đồ, tranh, ảnh và tư liệu tham khảo trong dạy – học lịch sử.

– Khả năng phân tích, so sánh đối chiếu và nhận xét về sự kiện, nhân vật lịch sử.

3. Về thái độ

Được giáo dục truyền thống yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm ; bồi dưỡng ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập, thống nhất Tổ quốc.

– Phê phán thái độ bạc nhược của vua quan triều đình Huế.

– Liên hệ với nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài 34 có quan hệ mật thiết với nội dung của bài 33. Cả hai bài đều phản ánh quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta chống xâm lược Pháp, trong đó nội dung chống xâm lược được đặt lên hàng đầu.

Trong cuộc đấu tranh này, nhân dân Việt Nam đã nêu cao ý chí độc lập, thống nhất, phát huy truyền thống từ ngàn đời của ông cha ta ; trong khi đó, phong kiến nhà Nguyễn đã nhanh chóng thoả hiệp, khuất phục rồi từng bước đầu hàng.

Một lần nữa, chúng ta thấy trách nhiệm của triều đình Huế trước lịch sử, nhất là trách nhiệm của những người đứng đầu nhà nước trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền dân tộc.

Trong khi phân tích, GV cần chú ý làm rõ cả hai vấn đề "nguyên nhân" và "trách nhiệm" làm mất nước để có thể đưa ra được những nhận định khách quan, đúng mức và có sức thuyết phục cao.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

Lược đồ chiến trường Đà Nẵng, Gia Định (1858 – 1861).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài mới

GV căn cứ vào những dòng mở đầu của bài (SGK) để dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Kháng chiến ở Đà Nẵng và các tỉnh Nam Kì

1. Trên mặt trận Đà Nẵng năm 1858

– Để HS nắm được nội dung kiến thức bài học thông qua việc sử dụng lược đồ và tranh, ảnh trong SGK, GV kết hợp cả hai hình thức : giới thiệu tranh, ảnh, lược đồ và đặt câu hỏi để HS trả lời :

+ Vì sao Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu tấn công đầu tiên ?

+ Dựa vào cơ sở nào mà Pháp định ra kế hoạch này ?

+ Lực lượng của địch bố trí ra sao ? (giải thích sự có mặt của quân đội Tây Ban Nha : muốn chia phần ở Việt Nam). GV chú ý không gây cho HS có ý nghĩ rằng, với lực lượng mạnh mẽ như vậy, quân Pháp sẽ thắng mà không thấy trách nhiệm của vua quan nhà Nguyễn (không biết tổ chức, huy động lực lượng, phản ứng chậm trễ, thiếu đường lối nhất quán).

– Sau khi tường thuật diễn biến trận chiến ở Đà Nẵng, GV cần khắc hoạ tinh thần chiến đấu của nhân dân địa phương (phối hợp với quân đội triều đình, tự tổ chức thành quân ngũ, thực hiện kế sách làm "vườn không, nhà trống", đoàn kết các tầng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo... đẩy lui những trận tấn công của địch).

– Kết quả : Kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp bước đầu bị thất bại. Vì sao ? (bị quân dân ta đánh trả quyết liệt ; được sự ủng hộ của nhân dân nên

kế sách của Nguyễn Tri Phương tỏ ra có hiệu quả ; thuỷ thổ, khí hậu không hợp và tiếp tế khó khăn đối với quân Pháp).

2. Chiến sự ở Gia Định và các tỉnh Nam Kì từ năm 1859 đến năm 1862

Dựa vào *Lược đồ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kì* và hình *Quân Pháp tấn công thành Gia Định* (trong SGK) để tường thuật diễn biến các sự kiện trên mặt trận Gia Định, Định Tường, Biên Hoà từ năm 1859 đến năm 1862. GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ trả lời :

– Tại sao quân Pháp chuyển hướng tấn công vào Gia Định ? (dùng kiến thức trong bài để trả lời, chú ý : vị trí chiến lược, khả năng kinh tế, giao thông, có thể lợi dụng gió mùa để chuyển quân từ Đà Nẵng vào, đi trước người Anh trong việc làm chủ Vũng Tàu và chuẩn bị điều kiện mở rộng cuộc xâm lược sang đất Cam-pu-chia).

– Quân Pháp đã vấp phải những khó khăn gì trên chiến trường Gia Định ? (Cũng như ở Đà Nẵng, chúng bị nhân dân ở đây kết hợp với quân đội triều đình chống cự. Cần nêu rõ : Vào những năm đầu của cuộc chiến tranh, nhà Nguyễn vẫn còn ý định tổ chức cuộc kháng chiến chống Pháp, do đó vẫn được sự hỗ trợ của nhân dân trong chừng mực nhất định. Sự thất bại liên tiếp trong các chiến dịch khiến quan quân triều đình nản chí, thiếu tin tưởng, lúng túng rồi đi vào con đường thoả hiệp, đầu hàng. Ở đây, GV có thể cho HS phân tích những sai lầm trong chiến lược phòng thủ bị động của Nguyễn Tri Phương, tư tưởng sợ địch, ngại địch của một số quan lại cao cấp trong triều đình Huế).

Vì những lí do trên, quân Pháp tuy bị hao tổn, lại bị chia xẻ lực lượng vào năm 1860 nhưng vẫn đứng vững được ở Gia Định, chúng có điều kiện đánh rộng ra, chiếm các tỉnh thành Gia Định, Định Tường, Biên Hoà (1861), Vĩnh Long (1862).

– Tuy chiếm được bốn tỉnh thành bỏ ngỏ, nhưng quân Pháp lại rơi vào những khó khăn mới, không thể giải quyết được mâu thuẫn giữa "chiếm đóng" và "bình định"; chúng bị sa lầy trước phong trào kháng chiến của nhân dân ta. GV lấy dẫn chứng về các cuộc khởi nghĩa và những tấm gương tiêu biểu như Lê Huy, Trần Thiện Chính, Đỗ Trình Thoại, Phủ Cậu (đứng lên kháng chiến ngay từ ngày đầu, khi quân Pháp đánh Gia Định) rồi Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Đốc binh Là, Thủ khoa Huân, Thiên hộ Dương ...

Sau đó, GV đưa ra câu hỏi : So sánh thái độ của đông đảo quần chúng nhân dân và của quan quân triều đình Huế trước hành động xâm lược của thực dân Pháp có điểm gì khác nhau ?

Thông qua bài giảng, có thể khắc hoạ tinh thần chiến đấu của nhân dân bằng cách đưa ra dẫn chứng : lực lượng tham gia đông đảo (nông dân, văn thân, sĩ phu yêu nước) với nhiều cách đánh giặc đa dạng, phong phú (bằng súng, gươm, bất hợp tác, bằng thơ văn, bằng ý chí khảng khái quyết liệt, lên án triều đình, căm giận kẻ cộng tác với Pháp...).

GV giới thiệu (hoặc gợi ý) để HS dẫn ra các đoạn văn, thơ yêu nước cuối thế kỉ XIX phản ánh các nội dung trên đây.

Cần chú ý khai thác những đoạn viết về Đốc học Phạm Văn Nghị, về các toán dân quân ở Đà Nẵng những năm 1858 – 1859, đặc biệt là phân tích hành động tỉnh táo, kịp thời và ý chí thống nhất cao trong những hành động của họ.

Khi giảng về Hiệp ước 5 – 6 – 1862, GV có thể nêu câu hỏi : Vì sao nhà Nguyễn kí kết Hiệp ước ? Bản hiệp ước đó đã vi phạm chủ quyền của dân tộc ta như thế nào ? Đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta, nó đã gây nên những tác hại gì ? (tính toán thiệt hơn ; nuôi ảo tưởng trông chờ vào "lương tâm, hảo ý" của kẻ thù ; muốn hạn chế sự chiếm đất của chúng bằng cách chia sẻ quyền thống trị ; đi ngược lại ý chí của nhân dân...).

Với Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), ba tỉnh miền Đông Nam Kì : Gia Định, Định Tường, Biên Hoà và đảo Côn Lôn bị cắt nhượng cho Pháp ; nhà Nguyễn phải mở ba cửa biển cho Pháp vào buôn bán và phải trả chiến phí cho kẻ xâm lược. Pháp được tự do ra vào trên các sông chính và sông nhánh, triều đình có nghĩa vụ giải tán phong trào kháng Pháp ở ba tỉnh miền Đông để đổi lấy việc Pháp trao trả thành Vĩnh Long. Từ các nội dung trên, GV gợi ý để HS suy nghĩ về trách nhiệm của nhà Nguyễn.

3. Cuộc kháng chiến từ sau Hiệp ước 1862

Nội dung mục này phản ánh cuộc đấu tranh chống Pháp tiếp tục của nhân dân ta, kết hợp giữa hai nhiệm vụ chống xâm lược và chống phong kiến đầu hàng.

GV dùng lược đồ, chỉ rõ các địa điểm diễn ra cuộc kháng chiến chống Pháp.

HS lập bảng hệ thống kiến thức theo mẫu sau :

Tên phong trào	Thời gian	Quy mô	Diễn biến chính	Kết quả

Nêu nhận xét (GV và HS cùng làm) ở giai đoạn này, khởi nghĩa nổ ra ở khắp nơi, quyết liệt và ngày càng lan rộng.

Đặc điểm nổi bật của phong trào là quy tụ thành những trung tâm kháng chiến lớn, tổ chức ngày càng chặt chẽ, điển hình là cuộc khởi nghĩa của Trương Định.

Sau khi giới thiệu về hoạt động của nghĩa quân, về lá cờ "Bình Tây Đại nguyên soái", GV cần tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật của khởi nghĩa Trương Định so với các cuộc khởi nghĩa khác, mô tả cái chết hiên ngang của ông và khí phách của một số nhân vật có liên quan đến cuộc khởi nghĩa như nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu (quân sư của cuộc khởi nghĩa) hay những người kế tục sự nghiệp Trương Định như Thiên hộ Dương, Nguyễn Hữu Huân, Trương Quyền (con trai Trương Định).

Khi nói về nguyên nhân thất bại của các hoạt động chống Pháp ở Nam Kì nói chung, khởi nghĩa Trương Định nói riêng, ngoài yếu tố tương quan lực lượng, cần nhấn mạnh đến thái độ phản bội của triều đình Huế. Ngoài ra cũng cần nói rõ : các lực lượng kháng chiến của nhân dân lúc này (sau năm 1862) đã có tính độc lập tương đối với triều đình Huế, có tác dụng cầm chân quân Pháp ở ba tỉnh miền Đông trong một thời gian khá dài, làm chậm quá trình mở rộng xâm lược và thiết lập bộ máy cai trị của chúng.

GV cần lưu ý khai thác các chi tiết nói về tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam – Cam-pu-chia trong những ngày đầu Pháp xâm lược, cũng như tinh thần yêu nước của đồng bào các dân tộc Khơ-me, Xtiêng... trong các cuộc khởi nghĩa Trương Định, Trương Quyền, Nguyễn Hữu Huân.

4. Kháng chiến ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì

Trong mục này, cần làm cho HS thấy rõ hành động sai lầm của triều đình Huế sau Hiệp ước 1862 : ngăn trở phong trào kháng chiến ở Nam Kì, đàn áp khởi nghĩa nông dân ở Bắc Kì, mải mê với công cuộc chuộc đất tốn kém mà không đạt kết quả ; lơ là mất cảnh giác... đã gián tiếp tạo điều kiện cho quân Pháp lấn tới. Sau

khi cô lập ba tỉnh miền Tây bằng việc chiếm đóng Cam-pu-chia, củng cố bộ máy cai trị ở ba tỉnh miền Đông, Pháp đã lập kế hoạch thanh toán nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì.

GV chỉ trên lược đồ vị trí ba tỉnh miền Tây, giải thích cho HS rõ : Sau Hiệp ước 1862, thực dân Pháp chưa có khả năng cai trị những vùng chúng đã chiếm được nên tạm giao lại tỉnh Vĩnh Long cho triều đình Huế kiểm soát. Phan Thanh Giản được phái vào Long Hồ (Vĩnh Long) thực hiện chủ trương "dĩ hoà vi quý", còn Lâm Duy Hiệp thì được phái vào Bình Thuận để "tuỳ cơ ứng biến".

Sau một thời gian chuẩn bị, thực dân Pháp quyết định mở cuộc hành quân chiếm nốt ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) chỉ trong vòng 5 ngày (từ ngày 20 – 6 đến ngày 24 – 6 – 1867).

Phan Thanh Giản không chống cự, ngược lại ông còn gửi thư yêu cầu các tỉnh thành An Giang, Hà Tiên cũng làm theo để khỏi bị đổ máu vô ích.

GV có thể phân tích hành động trên để thấy được những mâu thuẫn trong con người Phan Thanh Giản cũng như những lí do mà nhân dân Nam Kì, mặc dù biết ông có tội, vẫn luôn luôn thông cảm và kính trọng. Phong trào nhân dân kháng chiến ở ba tỉnh miền Tây tiếp tục diễn ra rầm rộ trong điều kiện khó khăn hơn rất nhiều (GV phân tích những khó khăn mới của cuộc kháng chiến ở ba tỉnh miền Tây so với ba tỉnh miền Đông trước kia). Tuy vậy, phong trào vẫn tiếp tục lan rộng ra nhiều nơi : vùng Bến Tre có Phan Tôn, Phan Liêm (hai con của Phan Thanh Giản), cuộc đánh đồn Kiên Giang (Rạch Giá) của Nguyễn Trung Trực, khởi nghĩa Nguyễn Hữu Huân ở Long Trì..., phong trào "tị địa"[1] tiếp tục gây khó khăn cho Pháp trong việc thiết lập chính quyền mới.

Kết thúc bài giảng, GV cần khắc sâu ý chí bất khuất của Nguyễn Hữu Huân (ba lần khởi nghĩa chống Pháp, khi bị bắt đưa đi hành hình vẫn ung dung làm thơ) và câu nói nổi tiếng của Nguyễn Trung Trực : "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".

Bài tập về nhà : vẽ lược đồ Nam Kì, xác định ranh giới ba tỉnh miền Đông, ba tỉnh miền Tây, ghi những địa danh có trung tâm kháng chiến chống Pháp tiêu biểu ở cuối thế kỉ XIX.

---

(1) Phong trào tị địa : do các sĩ phu văn, thân Nam Kì phát động. Họ đưa gia đình (kể cả mồ mả tổ tiên, thầy học) sang vùng tự do (vùng do triều đình kiểm soát), không chịu đội trời chung với giặc.

Mục II – Kháng chiến ở Bắc Kì lần thứ nhất (1873 – 1874)

1. Tình hình Việt Nam trước khi thực dân Pháp đánh Bắc Kì lần thứ nhất

Phần này, GV trình bày những vấn đề có liên quan đến tình hình Việt Nam từ năm 1867 đến năm 1873 (7 năm không có chiến sự) và tình hình đối phương (nước Pháp) trong thời gian đó.

– Trong vòng 7 năm kể từ khi chiếm được sáu tỉnh Nam Kì, trên chính trường nước Pháp đã trải qua những giai đoạn sóng gió với những biến cố lớn: Chiến tranh Pháp – Phổ nổ ra, nước Pháp thất bại và suy yếu nghiêm trọng. Tiếp đó, Chính phủ tư sản Pháp lại phải đối phó với cuộc vùng dậy của giai cấp công nhân (Công xã Pa-ri) nên không có khả năng tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược mới, phải ban hành chính sách "co lại" đối với vấn đề thuộc địa.

– Tại Nam Kì, thực dân Pháp hạn chế hoạt động trong việc củng cố các vùng đã chiếm được, bước đầu thăm dò đường sông Mê Công để tìm đường sang Vân Nam (Trung Quốc), phát hiện ra đường sông Hồng có thể sang được Trung Quốc nhưng chưa có điều kiện để thâm nhập.

GV phân tích cho HS thấy rõ : Với những điều kiện khách quan thuận lợi, có thể coi là một cơ hội để chấn chỉnh kinh tế, quốc phòng, tăng cường khả năng đối phó với thực dân Pháp, nhưng triều đình Nguyễn vẫn bảo thủ, cố chấp, thi hành nhiều chính sách sai lầm, thiển cận : đối với bên ngoài thì mềm yếu, bị động, tiếp tục dùng con đường thương thuyết hòng lấy lại sáu tỉnh đã mất ; bên trong thì khước từ mọi đề nghị cải cách duy tân (nhấn mạnh những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ, tuy chưa thật toàn diện, nhưng cũng đã vạch ra một lối thoát cho đất nước, đấy là cơ hội hiếm có để nhà nước phong kiến Nguyễn khôi phục lại các vùng đất đã mất và bảo vệ những vùng đất còn lại). Nhưng nhà Nguyễn đã không có được những biện pháp hữu hiệu nhằm củng cố kinh tế, quốc phòng ; tiếp tục chính sách vơ vét, bóc lột (để phục vụ cuộc sống của vương triều và để trả chiến phí cho Pháp) khiến đời sống nhân dân ngày càng sa sút ; khởi nghĩa nông dân và nạn giặc giã thường xuyên xảy ra.

Từ việc phân tích trên đây, GV cho HS thảo luận để thấy rõ thêm trách nhiệm của vua quan nhà Nguyễn trong việc làm cho thế nước ngày càng suy yếu.

Tình hình đó càng có lợi cho Pháp khi chúng đang mưu toan đánh chiếm Bắc Kì .

Lợi dụng việc triều đình Huế nhờ đem quân ra tiễu trừ cướp biển ở vùng ven biển Bắc Kì, thực dân Pháp tung gián điệp do thám tình hình, tiến hành các vụ

gây rối, làm suy yếu cơ sở xã hội của triều đình Huế, chuẩn bị điều kiện cho các cuộc tấn công quân sự sắp tới.

2. Cuộc kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì

GV trình bày ngắn gọn theo SGK, làm rõ một số ý sau đây :

– Sẵn có ý đồ từ trước, thực dân Pháp thấy rõ sự yếu kém của triều đình Huế nên đã ngầm ủng hộ Đuy-puy và lợi dụng việc Đuy-puy gây rối để đem quân ra Bắc.

– Cuộc tấn công Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì của Gác-ni-ê (11 – 1873) là hành động quân sự phiêu lưu. Sự thất bại ở Hà Nội của Nguyễn Tri Phương (trong tay có trên 5 000 lính, đối phó với chưa đầy 300 tên địch) chứng tỏ sự yếu kém, thiếu quyết tâm đánh giặc của vua, quan, chỉ huy, binh lính nhà Nguyễn.

– Tại cửa Ô Thanh Hà (Ô Quan Chưởng), sự chiến đấu, hi sinh đến người cuối cùng của 100 binh sĩ và cái chết của cha con Nguyễn Tri Phương... đã là những hành động cá nhân, thiểu số trong đám quan quân triều đình. Vì vậy, cuộc kháng chiến ở đây đã không có khả năng để chuyển bại thành thắng.

– Cuộc kháng chiến của nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì là trọng tâm của bài học. Bằng việc kết hợp giữa diễn giảng với sử dụng tư liệu, GV cho HS thấy tình hình chiến trường Bắc Kì về thời gian và các nơi bị giặc chiếm (Hà Nội, Hưng Yên, Phủ Lí, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định).

Về trận Cầu Giấy (21 – 12 – 1873), GV phân tích kết quả và ảnh hưởng của chiến thắng này đối với phong trào kháng chiến của nhân dân Bắc Kì (tinh thần giặc bị tan rã, ý chí xâm lược của chúng bị lung lay ; quân dân ta phấn khởi, thời cơ tiêu diệt giặc xuất hiện...) nhưng thời cơ đó đã bị bỏ lỡ vì triều đình Huế chọn con đường dàn xếp để cứu vãn những quyền lợi còn sót lại.

Thái độ của triều đình sau chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất : chủ động thương thuyết rồi đi đến kí kết Hiệp ước 15 – 3 – 1874, kèm theo là một bản hiệp ước thương mại được kí kết vào thời gian sau đó. Chính triều đình Huế đã cứu quân Pháp khỏi bị tiêu diệt.

Ở đây, GV cũng cần hướng dẫn cho HS đưa ra nhận xét về thái độ của triều đình Huế. So sánh Hiệp ước 1874 với hiệp ước đã kí để HS hiểu rõ "bước mới trong quá trình đầu hàng của phong kiến nhà Nguyễn".

GV kết luận : Với các điều khoản được ghi trong Hiệp ước 1874, rõ ràng chế độ bảo hộ của Pháp đã được thiết lập ở Việt Nam, mặc dù từ "bảo hộ" chưa được ghi trong văn bản.

3. Tình hình nước ta sau Hiệp ước 1874

Về kiến thức, phần này cần tập trung làm rõ sự phản ứng của các tầng lớp nhân dân đối với Hiệp ước 1874 và hậu quả của những chính sách sai lầm, thiển cận của phong kiến nhà Nguyễn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đối nội, đối ngoại...

Khi trình bày về phong trào phản đối Hiệp ước Giáp Tuất (1874), mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nghệ – Tĩnh do các nhà nho lãnh đạo, cần phải thấy sự khác biệt của cuộc khởi nghĩa này so với các cuộc khởi nghĩa trước, thể hiện ở tình hình :

Dập dìu trống đánh cờ xiêu,
Phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây.

Cho dù đây chưa phải là cuộc đấu tranh mang nội dung dân tộc, dân chủ như giai đoạn sau này, khi có sự lãnh đạo của Đảng, nhưng đây là một bước tiến mới.

Để phân tích thực trạng xã hội Việt Nam trong thời gian giữa hai lần tấn công đánh chiếm Bắc Kì của thực dân Pháp, GV hướng dẫn cho HS đọc các đoạn viết trong SGK, trong đó có những đoạn nói tới tình trạng rối ren về chính trị, xã hội, đối nội, đối ngoại, tính bảo thủ cố chấp của vua quan triều đình Huế cũng như hậu quả tai hại của các chính sách đó.

Trong khi giảng, GV có thể đặt câu hỏi theo từng vấn đề, cho HS suy nghĩ rồi trả lời.

Trên cơ sở kiến thức đã cung cấp, GV hướng dẫn cho HS thảo luận (chung cả lớp hoặc theo từng nhóm) về những biện pháp cần thiết phải làm của một nhà nước cầm quyền trong hoàn cảnh như nước ta sau năm 1874 nhằm đối phó với âm mưu xâm lược sắp tới của thực dân Pháp. Sau khi thống nhất ý kiến, cho HS đối chiếu với việc làm cụ thể của triều đình Huế lúc bấy giờ để so sánh, rút ra kết luận.

Mục III – Nhân dân Bắc Kì và Trung Kì tiếp tục kháng chiến

Làm cho HS thấy rõ trách nhiệm của triều đình phong kiến Nguyễn trong việc để mất nước, thể hiện ở chỗ họ đã bỏ qua những cơ hội tốt để cứu vãn nền độc lập dân tộc và khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công ồ ạt, họ đã bị thất bại hoàn toàn, chịu kí hiệp ước thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn bộ đất nước ta.

Những hành động phản kháng của nhân dân và một số quan lại, sĩ phu văn thân yêu nước ở Bắc Kì và Trung Kì, tuy nhất thời chưa cản phá được cuộc tấn công của giặc, nhưng là hành động tiếp tục truyền thống bất khuất của ông cha ta và góp phần chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mạnh mẽ kéo dài hàng chục năm – từ năm 1885 đến cuối thế kỉ XIX.

1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai (1882 – 1883)

Có thể chia thành nhiều mục nhỏ để HS dễ nhớ. Trước hết, GV giúp HS hiểu được tại sao đến đầu những năm 80 (thế kỉ XIX), thực dân Pháp lại quyết tâm xâm lược toàn bộ Việt Nam. Vấn đề này có liên quan đến phần kiến thức đã học ở lớp 8, lớp 10 và phần lịch sử thế giới cận đại (lớp 11).

GV nhắc đến sự xuất hiện các công ti tư bản độc quyền, tầng lớp tư bản tài chính có vị trí đặc biệt trong các hoạt động của Chính phủ Pháp... để khẳng định : Từ những năm 80 của thế kỉ XIX trở đi, nước Pháp đã chuyển sang thời kì đế quốc chủ nghĩa, ra sức tìm kiếm thuộc địa và tập trung lực lượng để hoàn thành việc đánh chiếm toàn bộ Việt Nam.

So sánh đường lối của thực dân Pháp giữa hai thời kì trước và sau năm 1875 để thấy rõ : ở giai đoạn sau, việc xâm lược toàn bộ Việt Nam không còn là công việc của những thương nhân và các võ quan thực dân hiếu chiến, mà trở thành đường lối chung của nhà nước tư sản Pháp.

Để xúc tiến âm mưu nói trên, thực dân Pháp triệt để lợi dụng sự suy yếu ngày một rõ rệt của triều đình Huế trên tất cả các mặt, đưa quân ra Bắc Kì ngày càng đông theo yêu cầu của triều đình nhằm đàn áp các cuộc nổi dậy của dân chúng và đối phó với nạn thổ phỉ, hải phỉ ở miền biên giới, ven biển ; lợi dụng các điều khoản của Hiệp ước 1874 để tung gián điệp ra Bắc, bắt liên lạc với các giáo sĩ đang truyền đạo, trà trộn vào dân, nhất là vùng đồng bào công giáo, kích động họ nổi dậy chống triều đình.

Trong khi đó, triều đình phong kiến Việt Nam đã suy yếu một cách rõ rệt. Cuộc hành quân của Hăng-ri Ri-vi-e ra Bắc Kì tháng 4 – 1882 đã mở đầu cho một giai đoạn mới trong quá trình xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Khi giảng về diễn biến của các sự kiện, GV cần nói rõ thái độ bạc nhược của triều đình Huế trước cuộc tấn công đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai của thực dân Pháp.

GV tường thuật việc quân Pháp khiêu khích ở Hà Nội từ ngày 3 – 4 – 1882 đến ngày 25 – 4 – 1882 (nổ súng đánh thành), thái độ trịch thượng, ý đồ xâm lược rõ ràng, quan quân triều đình biết mà không dám mạnh tay đối phó (vì sao ?). Rồi sau khi chiếm được thành, chúng còn tranh thủ chiếm Hòn Gai, Quảng Yên và lần lượt đánh chiếm các tỉnh đồng bằng (nêu và giải thích tại sao quân Pháp lại có thể làm được như vậy).

GV gợi ý cho HS phân tích hành động tuẫn tiết của Hoàng Diệu. Dù sao, cái chết của Hoàng Diệu đã tỏ rõ khí phách của một vị Tổng đốc chân chính, sống chết với thành, quyết không đội trời chung với giặc, nêu gương cho hậu thế.

Về việc cầu cứu triều đình Mãn Thanh và sự có mặt của quân Thanh trên đất nước ta, GV cần đưa thêm những chi tiết cần thiết (đã được phản ánh trong sử sách) để phân tích âm mưu nham hiểm của phong kiến Trung Quốc : lợi dụng sự khó khăn của triều đình phong kiến Việt Nam, lấy danh nghĩa Thiên triều, bảo vệ một nước phiên thuộc để tranh thủ gây áp lực, chia sẻ quyền thống trị với thực dân Pháp.

2. Nhân dân Bắc Kì chống Pháp chiếm đóng lần thứ hai

Mục này cần tập trung phản ánh cuộc chiến đấu của nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì khi Pháp kéo quân ra xâm lược lần thứ hai. Lưu ý : họ có ý thức chuẩn bị, rút kinh nghiệm những trận chiến đấu lần trước, sáng tạo ra nhiều cách đánh, trong ngoài hỗ trợ cho nhau. Giặc Pháp đi tới đâu, cũng vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân ta.

Về trận Cầu Giấy lần thứ hai (19 – 5 – 1883), ngoài việc hướng dẫn HS tìm hiểu trong SGK, GV khai thác hình *Cuộc chiến giữa quân Pháp và quân Cờ đen tại Cầu Giấy tháng 5 – 1883.*

So sánh : tinh thần chiến đấu của nhân dân cao hơn quân đội triều đình. Nếu có sự chỉ đạo thống nhất, được động viên kịp thời, họ sẽ trở thành một lực lượng đáng kể để đối phó với thực dân Pháp.

Từ các kiến thức đã trình bày, GV đặt các câu hỏi để HS suy nghĩ trả lời :

+ Giữa hai lần đưa quân ra Bắc năm 1873 và năm 1882, tình hình có gì thay đổi có lợi cho Pháp và bất lợi cho ta ?

+ Tình hình Việt Nam sau chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai (5 – 1883) có gì đặc biệt ? Tại sao thực dân Pháp lại không giảng hoà với triều đình Huế như lần trước (1873) ?

3. Quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An. Hiệp ước Hácmăng (1883) và Hiệp ước Patơnốt (1884)

GV giới thiệu cho HS biết được vị trí cửa biển Thuận An : sát kinh đô Huế, cửa sông Hương, là tuyến phòng thủ trực tiếp của Kinh thành Huế từ phía biển ; sau đó tóm tắt diễn biến cuộc tấn công.

Lợi dụng việc vua Tự Đức mất, triều đình đang lúng túng trong việc cử người kế vị, mâu thuẫn giữa phe chủ chiến và phe chủ hoà trở nên sâu sắc, thực dân Pháp quyết định nổ súng tấn công, gây sức ép, buộc triều đình Huế đầu hàng.

GV có thể trình bày thêm sự phân hoá trong giai cấp thống trị và sự hậu thuẫn của nhân dân đối với phe chủ chiến mà đại diện là Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Thiện Thuật, Trần Xuân Soạn, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp, Lã Xuân Oai..., sau đó, hướng dẫn HS tự giải thích nguyên nhân và ý nghĩa của hiện tượng này. Cần nói rõ động cơ kháng chiến của họ trước hết và chủ yếu là xuất phát từ truyền thống yêu nước, chứ không phải vì quyền lợi của giai cấp phong kiến. Hành động của họ đã có tác dụng tập hợp nhân dân thành những lực lượng kháng chiến to lớn sau này, tiếp tục chống trả quân xâm lược, cho dù triều đình phong kiến đã đầu hàng hoàn toàn.

Về sự kiện thực dân Pháp tấn công cửa biển Thuận An, GV có thể kết hợp với kênh hình (đĩa phim tư liệu – phầm mềm dạy học lịch sử) để diễn tả, sao cho ngắn gọn nhưng sống động.

Về nội dung Hiệp ước Hácmăng (25 – 8 – 1883), GV nhấn mạnh, trong thực tế, kể từ Hiệp ước này, thực dân Pháp đã áp đặt ách thống trị trên toàn bộ đất nước ta. Cần so sánh với Hiệp ước 1874 để HS nhận thấy quá trình chủ hoà vô điều kiện của triều đình Huế thông qua các bản hiệp ước đầu hàng.

Hành động trên đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của nhân dân và quan lại có tinh thần kháng chiến. Phòng tuyến chống Pháp được dựng lên trên đường Hà Nội – Sơn Tây, Hà Nội – Bắc Ninh, Tuyên Quang – Lạng Sơn khiến cho quân Pháp không sao ổn định được tình hình. Nhưng cuộc điều đình giữa thực dân Pháp và phong kiến Trung Hoa, cũng như thái độ bạc nhược của triều đình Huế, đã khiến cho các cứ điểm phòng thủ của quân ta lần lượt thất thủ, quân Thanh thua chạy, cho dù sau đó có nổ ra cuộc chiến tranh Trung – Pháp (vì vấn đề Việt Nam), nhưng về cơ bản, triều đình nhà Thanh đã khuất phục trước thực dân Pháp, thừa nhận Hiệp ước 1884 mà Pháp đã kí với Việt Nam và công nhận nền bảo hộ của chúng trên toàn bộ đất nước ta (GV phân tích thêm về cuộc mua – bán này, nhấn mạnh đó là hành động kẻ cướp của bọn thống trị cũ và mới).

Cuối bài, GV nêu câu hỏi để HS suy nghĩ, so sánh nội dung hai bản Hiệp ước 1883 và 1884, nêu rõ lí do xuất hiện hai bản Hiệp ước trong thời gian rất gần nhau và có nội dung tương tự nhau (đánh lừa tâm lí, xoa dịu sự phản ứng trong các quan lại triều đình) cùng hậu quả của bản Hiệp ước Patơnốt (1884).

3. Sơ kết bài học

– Ngay từ năm 1858, trước cuộc xâm lăng của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam đã anh dũng đứng lên với một tinh thần vô cùng quả cảm, nhưng triều đình Huế nhu nhược, khiếp sợ đã chọn con đường cắt đất, cầu hoà.

– Sau khi chiếm được Nam Kì, quân Pháp tiếp tục mở rộng cuộc chiến tranh ra Bắc Kì. Lần thứ nhất (1873) chúng chưa thành công. Đến năm 1882, khi tình hình nước Pháp đã ổn định, chúng quyết tâm đè bẹp sự phản kháng của triều đình Huế.

– Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Bắc Kì tuy diễn ra khá quyết liệt, lập được những chiến công vang dội (trận Cầu Giấy lần 1 và 2).

Song, thế và lực của đất nước ta lúc này đã không còn được như trước. Năm 1883, nhân lúc vua Tự Đức băng hà, triều chính đang lục đục, Pháp quyết định đánh thẳng vào Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng. Lịch sử Việt Nam từ đây chuyển sang một giai đoạn mới.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Để trả lời câu hỏi này, cần nắm vững kiến thức của cả bài. Chú ý các mốc cơ bản sau :

– Bước 1 : từ 1858 đến 1862, Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Hiệp ước 5 – 1862) ;

– Bước 2 : từ 1863 đến 1867, Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì ;

– Bước 3 : từ 1868 đến 1874, Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất (Hiệp ước 15– 3 – 1874) ;

– Bước 4 : từ 1875 đến 1882, Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai (Hiệp ước Hácmăng 25 – 8 – 1883), hoàn thành cơ bản việc xâm lược Việt Nam.

– Bước 5 : từ 1883 đến 1884, Pháp hoàn thành việc xác lập nền bảo hộ trên toàn bộ đất nước Việt Nam (Hiệp ước Patơnốt 6 – 6 – 1884), sau khi thoả thuận với Bắc Kinh, kí Hiệp ước Thiên Tân 11 – 5 – 1884.

Câu 2. Dựa vào mục 2 (phần II) và mục 1 (phần III) để trả lời.

Câu 3. Tổng hợp kiến thức trong bài để thấy sự khác nhau về tinh thần trách nhiệm, động cơ, ý thức chống giặc. Từ đó có thể thấy rõ những khác biệt như : nhân dân chủ động, sáng tạo, kiên quyết, đoàn kết chống xâm lược ; còn triều đình thì bị động, máy móc, thiếu sáng tạo, thiếu quyết tâm, dẫn đến xa rời cuộc kháng chiến của cả dân tộc và kết cục thất bại của cuộc kháng chiến.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tinh thần chiến đấu vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam

"Mặc dầu bọn vua chúa ươn hèn, mặc dầu địch đang chiếm ưu thế và mặc dầu chế độ quân chủ đã làm cho dân chúng quen lạnh nhạt, bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu ách ngoại bang mà không bền bỉ chống lại".

(Theo : Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 1,
NXB Chính trị Quốc Gia, H., 1995)

"Đứng trước vũ khí của chúng ta, những người An Nam chỉ có một phương sách duy nhất là hi sinh cho sự bảo vệ các quyền tự do của họ. Họ đã bình tĩnh đương đầu cái chết với một sự can đảm tuyệt đỉnh và trong số rất đông những người đã ngã xuống vì những viên đạn của các đơn vị hành hình, hay dưới làn gươm của các tên đao phủ, chúng tôi không hề thấy có một sự yếu đuối nào".

"Mặc dầu tất cả tính chất phức tạp của những mối quan hệ hiện có giữa quần chúng nhân dân và các vị quan, người Pháp đã phải đứng trước một xã hội dễ dàng kết hợp lại một cách gắn bó thành một khối chống lại họ".

(Theo : Gosselin, *Vương quốc An Nam,* Sđd)

"Chưa có cuộc hành quân nào ở Nam Kì mà mệt nhọc và bị nhiều người chết chóc bằng cuộc hành quân này... quân lính ta, trên đường đụng phải nhiều ổ đại bác, nhiều chướng ngại vật đủ thứ của kẻ địch bày ra. Đó là một cuộc chiến đấu liên miên cả ngày lẫn đêm, chống người, chống vật của một vùng xa lạ huyền bí. Một số đông quân lính tham gia cuộc hành quân này đều bị chết, chết vì nhọc nhằn quá, hay chết vì bệnh dịch tả... Trên chiến thuyền Sông Ranh có 12 người thì bị bệnh dịch tả chết hết 5 trong một ngày".

"Sáng ra, một vòng xác chết la liệt xung quanh quân Pháp cách vài thước đó thôi ; quân phiến loạn đã cầm giáo, cầm gậy đến chụp lấy lưỡi lê. Người ta không thể phủ nhận sự can đảm của những người đã xáp chiến rất gần, không sợ chết để chống lại binh lính thiện chiến có vũ khí đáng sợ."

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng,* Sđd, tr. 197)

2. Ca ngợi ý chí bất khuất của nhân dân Nam Kì

Kẻ thù nói về Trương Định :

"Trong 18 tháng trường, người du kích không biết mệt mỏi ấy mà ta có thể gọi là Áp-đen Ca-đe của Việt Nam, bị truy nã từ chỗ này đến chỗ nọ trong rừng sâu, trong vũng lầy không thể đi đến được, người du kích ấy đã phá vỡ các cuộc truy nã của chúng ta với cả một nghị lực bền bỉ mà ta phải thừa nhận dù kẻ ấy là kẻ địch của ta".

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, Sđd, tr. 146)